



RSM DTL Auditing
Connected for Success

**TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG SỐ 1
- TNHH MỘT THÀNH VIÊN
VÀ CÁC CÔNG TY CON**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

SAO Y BAN CHÍNH

Ngày ____ tháng ____ năm ____



KT. KẾ TOÁN TRƯỞNG
PHÓ PHÒNG TÀI CHÍNH KẾ TOÁN
Nguyễn Thị Ngọc Dung

MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Tổng Giám đốc	1 - 2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất ngày 31 tháng 12 năm 2014	5 - 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014	10 - 11
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	12 - 33

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG SỐ 1 - TNHH MỘT THÀNH VIÊN VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 111A Pasteur, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Xây dựng Số 1- TNHH Một Thành viên (dưới đây gọi tắt là "Công ty") hân hạnh đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã được kiểm toán của Công ty và các công ty con (dưới đây cùng với Công ty gọi chung là "Nhóm Công ty") cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014.

1. CÁC THÔNG TIN CHUNG

Tổng Công ty Xây dựng số 1 – TNHH Một thành viên trước đây là một doanh nghiệp Nhà nước. Tổng Công ty được chuyển đổi thành Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Một Thành viên theo Quyết định số 617/QĐ-BXD ngày 10 tháng 06 năm 2010 do Bộ trưởng Bộ xây dựng ký và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0301429113 ngày 29 tháng 07 năm 2010 do Sở kế hoạch và đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và Giấy chứng nhận thay đổi sau đó vào ngày 14 tháng 06 năm 2012.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty được đặt tại 111A Pasteur, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần 1 là 492.000.000.000 VND.

Đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2014, Tổng Công ty có đầu tư vào 06 công ty con.

Các đơn vị trực thuộc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2014 gồm:

<i>Tên đơn vị</i>	<i>Địa chỉ</i>
Văn phòng Tổng Công ty	111A Pasteur, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
Chi nhánh Tổng Công ty tại Hà Nội	3-B9 Đầm Trấu, Hai Bà Trưng, Hà Nội, Việt Nam.
Công ty Mê Kông	Km 7, Xa Lộ Hà Nội, Phường Trường Thọ, Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

2. THÀNH VIÊN CỦA HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC, VÀ BAN KIỂM SOÁT

Danh sách các thành viên Hội đồng thành viên trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<i>Họ tên</i>	<i>Chức danh</i>
Ông Lê Dũng	Chủ tịch
Ông Nguyễn Công Khai	Thành viên
Ông Bùi Hữu Khoát	Thành viên
Ông Phan Văn Vỹ	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<i>Họ tên</i>	<i>Chức danh</i>
Ông Lê Hữu Việt Đức	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Trí Mạnh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Hoàng Trung Thanh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Huỳnh Tấn Trí	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Đức Dũng	Phó Tổng Giám đốc

Danh sách các thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Tổng Công ty bao gồm:

<i>Họ tên</i>	<i>Chức danh</i>
Bà Trần Thị Tố Loan	Trưởng Ban kiểm soát
Bà Nguyễn Thị Hồng Phương	Thành viên

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG SỐ 1 - TNHH MỘT THÀNH VIÊN VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 111A Pasteur, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

3. TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Nhóm Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất hằng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất cũng như kết quả kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Nhóm Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Nhóm Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Nhóm Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính hợp nhất được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc Nhóm Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Nhóm Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Nhóm Công ty xác nhận rằng Nhóm Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

4. KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán DTL, thành viên của RSM Quốc tế, bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất cho các năm tài chính tiếp theo của Nhóm Công ty.

5. CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Nhóm Công ty công bố rằng, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 03 năm 2015



LÊ HỮU VIỆT ĐỨC



Số: 15.400C/BCKT-DTL

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các thành viên Hội đồng thành viên
Các thành viên Ban Tổng Giám đốc
TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG SỐ 1 – TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Tổng Công ty Xây dựng số 1 – TNHH một thành viên (dưới đây gọi tắt là "Công ty") và các công ty con (cùng với Công ty dưới đây gọi chung là "Nhóm Công ty"), được lập ngày 26 tháng 03 năm 2015 từ trang 05 đến trang 33, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Nhóm Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty Xây dựng số 1 – TNHH một thành viên và các công ty con vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam, các quy định về cổ phần hóa doanh nghiệp tại Nghị định 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011, Thông tư 127/2014/TT-BTC ngày 05/09/2014 để chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành Công ty cổ phần và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 03 năm 2015

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN DTL

KT.TỔNG GIÁM ĐỐC

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



ĐẶNG THỊ HỒNG LOAN

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 0425-2013-026-1

KIỂM TOÁN VIÊN

PHẠM THỊ BÍCH HẠNH

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 1505-2013-026-1

**TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG SỐ 1 - TNHH MỘT THÀNH VIÊN
VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: 111A Pasteur, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 01 - DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Th. minh	Cuối năm	Đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		3.844.867.674.228	2.338.221.292.078
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	802.934.350.552	307.535.502.843
1. Tiền	111		704.234.350.552	227.032.724.638
2. Các khoản tương đương tiền	112		98.700.000.000	80.502.778.205
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5.2	419.284.608.540	86.390.869.208
1. Đầu tư ngắn hạn	121		419.284.608.540	89.873.803.208
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	(3.482.934.000)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	5.3	1.723.473.354.135	1.291.779.637.155
1. Phải thu khách hàng	131		1.196.176.430.264	995.008.818.666
2. Trả trước cho người bán	132		409.685.789.241	187.831.242.336
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135		133.016.585.905	200.633.168.632
6. Dự phòng khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(15.405.451.275)	(91.693.592.479)
IV. Hàng tồn kho	140	5.4	681.508.319.417	510.331.317.196
1. Hàng tồn kho	141		681.508.319.417	511.689.055.132
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	(1.357.737.936)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		217.667.041.584	142.183.965.676
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		24.089.208.734	13.310.746.558
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		115.449.943.156	45.930.769.718
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		15.145.218.191	497.912.996
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	5.5	62.982.671.503	82.444.536.404

(Phần tiếp theo trang 06)

**TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG SỐ 1 - TNHH MỘT THÀNH VIÊN
VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: 111A Pasteur, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 01 - DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Th. minh	Cuối năm	Đầu năm
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		5.613.622.566.219	5.041.883.784.796
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		66.511.294.142	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218	5.6	66.511.294.142	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		5.361.673.032.493	4.796.049.190.674
1. TSCĐ hữu hình	221	5.7	3.159.336.704.299	3.244.998.253.768
+ Nguyên giá	222		3.967.307.815.714	3.898.079.661.758
+ Giá trị hao mòn lũy kế	223		(807.971.111.415)	(653.081.407.990)
2. TSCĐ thuê tài chính	224		3.411.499.127	-
+ Nguyên giá	225		3.731.057.272	-
+ Giá trị hao mòn lũy kế	226		(319.558.145)	-
3. TSCĐ vô hình	227	5.8	447.190.600.355	455.112.005.222
+ Nguyên giá	228		497.487.612.349	490.389.386.332
+ Giá trị hao mòn lũy kế	229		(50.297.011.994)	(35.277.381.110)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	5.9	1.751.734.228.712	1.095.938.931.684
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
+ Nguyên giá	241		-	-
+ Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	5.10	142.900.625.433	191.175.207.433
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		74.355.597.303	96.654.811.684
3. Đầu tư dài hạn khác	258		68.615.095.927	98.093.196.837
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(70.067.797)	(3.572.801.088)
V. Tài sản dài hạn khác	260		42.537.614.151	54.659.386.689
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.11	39.613.837.887	48.839.181.974
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		633.063.382	63.396.715
3. Tài sản dài hạn khác	268		2.290.712.882	5.756.808.000
VI. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		9.458.490.240.447	7.380.105.076.874

**TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG SỐ 1 - TNHH MỘT THÀNH VIÊN
VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: 111A Pasteur, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 01 - DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Th. minh	Cuối năm	Đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		7.598.237.517.316	5.769.431.847.995
I. Nợ ngắn hạn	310		3.461.950.534.938	2.285.075.856.581
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	5.12	1.789.146.569.319	1.069.646.239.079
2. Phải trả người bán	312		875.957.629.417	696.473.212.943
3. Người mua trả tiền trước	313		543.657.704.836	314.061.804.575
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	5.13	68.455.468.318	55.977.712.347
5. Phải trả người lao động	315		50.188.992.950	31.302.438.135
6. Chi phí phải trả	316	5.14	76.921.602.601	29.448.063.412
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		7.869.561.763	44.197.319.974
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		3.973.375.875	24.751.690.300
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		45.779.629.859	19.217.375.816
II. Nợ dài hạn	330		4.136.286.982.378	3.484.355.991.414
1. Phải trả dài hạn người bán	331		191.631.765.499	245.729.251.081
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333	5.15	679.238.592.026	706.628.741.776
4. Vay và nợ dài hạn	334	5.16	3.086.109.491.064	2.329.724.434.130
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337	5.17	36.067.474.315	46.572.578.075
8. Doanh thu chưa thực hiện	338	5.18	143.239.659.474	155.700.986.352
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B.VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		857.537.227.558	713.915.418.671
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.19	857.537.227.558	713.915.418.671
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		511.805.603.527	416.191.616.648
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		484.500.000	484.500.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		135.333.694.547	118.714.995.868
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		16.333.142.870	24.762.885.712
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		20.786.574.982	13.983.987.144
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		150.943.522.075	103.616.339.977
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		298.464.828	298.464.828
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		21.551.724.729	35.862.628.494
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
C. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439		1.002.715.495.573	896.757.810.208
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		9.458.490.240.447	7.380.105.076.874

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính

**TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG SỐ 1 - TNHH MỘT THÀNH VIÊN
VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: 111A Pasteur, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 01 - DN/HN

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Chỉ tiêu	Th. minh	Cuối năm	Đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		132.583.950	4.648.866.546
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		32.369.065.161	1.675.606.236
5. Ngoại tệ các loại			
+ USD		162.409,15	44.285,22
+ EUR		36,82	47,92
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 03 năm 2015

NGƯỜI LẬP BIỂU

LÝ THỊ THANH THỦY

KẾ TOÁN TRƯỞNG

HUỶNH ANH DŨNG



LÊ HỮU VIỆT ĐỨC

**TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG SỐ 1 - TNHH MỘT THÀNH VIÊN
VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: 111A Pasteur, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 02 - DN/HN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		4.681.312.216.887	3.030.956.949.971
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		713.397.516	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	6.1	4.680.598.819.371	3.030.956.949.971
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	4.004.486.907.249	2.478.126.671.113
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		676.111.912.122	552.830.278.858
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	39.485.298.714	44.982.801.899
7. Chi phí tài chính	22	6.4	309.666.818.652	346.801.695.898
<i>trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		<i>293.932.698.570</i>	<i>316.787.293.821</i>
8. Chi phí bán hàng	24		7.497.851.622	9.724.799.158
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		122.006.360.515	103.214.848.367
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		276.426.180.047	138.071.737.335
11. Thu nhập khác	31		59.154.747.399	34.745.132.153
12. Chi phí khác	32		23.420.022.776	28.244.944.799
13. Lợi nhuận khác	40		35.734.724.623	6.500.187.354
14. Phần lợi nhuận/(lỗ) trong công ty liên kết, liên doanh	50		(27.710.571.042)	(39.181.285.852)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	60		284.450.333.628	105.390.638.837
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	61		6.842.490.831	6.044.987.516
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	62		(569.666.667)	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	70		278.177.509.464	99.345.651.321
18.1 Lợi ích của cổ đông thiểu số	71		172.084.650.212	88.412.462.394
18.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	72		106.092.859.252	10.933.188.927

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 03 năm 2015

NGƯỜI LẬP BIỂU

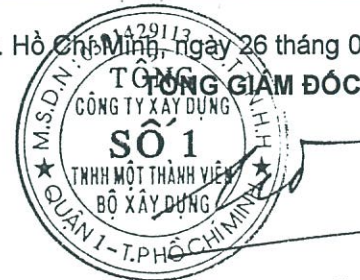


LÝ THỊ THANH THỦY

KẾ TOÁN TRƯỞNG



HUỲNH ANH DŨNG



LÊ HỮU VIỆT ĐỨC

**TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG SỐ 1 - TNHH MỘT THÀNH VIÊN
VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: 111A Pasteur, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 03 - DN/HN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG SXKD				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		284.450.333.628	105.390.638.837
2. Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao tài sản cố định	02		224.678.061.079	241.080.553.678
Các khoản dự phòng	03		(22.635.323.954)	(10.387.384.648)
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		2.388.781.498	-
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		602.873.342	2.151.310.848
Chi phí lãi vay	06		293.932.698.570	270.959.543.821
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		783.417.424.163	609.194.662.535
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(297.927.895.239)	53.605.867.444
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(170.810.986.478)	225.089.891.343
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		142.400.308.842	(365.198.934.036)
Tăng giảm chi phí trả trước	12		(1.553.118.089)	16.782.943.111
Tiền lãi vay đã trả	13		(290.997.614.814)	(159.582.933.878)
Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(7.278.115.752)	(14.706.387.386)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		60.476.770.372	67.331.372.987
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(32.697.964.656)	(10.358.300.080)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động sản xuất, kinh doanh	20		185.028.808.349	422.158.182.041
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(630.872.944.170)	(536.476.024.858)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		6.215.073.276	14.188.936.908
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(1.177.012.441.434)	(1.231.832.500.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		866.361.200.921	1.311.569.296.842
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(5.411.356.661)	(4.087.500.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		29.926.780.000	192.317.950.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		32.881.958.789	25.358.388.712
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(877.911.729.279)	(228.961.452.396)

(Phần tiếp theo trang 11)

**TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG SỐ 1 - TNHH MỘT THÀNH VIÊN
VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: 111A Pasteur, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 03 - DN/HN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Năm nay	Năm trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		26.844.590.000	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		3.583.952.523.782	2.102.930.746.048
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(2.362.384.966.843)	(2.109.588.161.069)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(60.130.378.300)	(46.718.175.514)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		1.188.281.768.639	(53.375.590.535)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	50		495.398.847.709	139.821.139.110
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		307.535.502.843	167.714.363.733
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70		802.934.350.552	307.535.502.843

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 03 năm 2015

NGƯỜI LẬP BIỂU

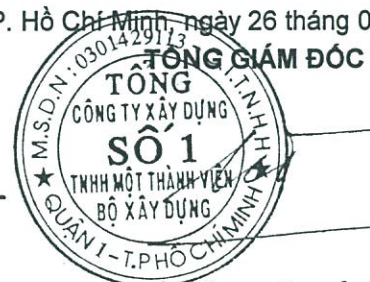


LÝ THỊ THANH THỦY

KẾ TOÁN TRƯỞNG



HUỲNH ANH DŨNG



LÊ HỮU VIỆT ĐỨC

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG SỐ 1 - TNHH MỘT THÀNH VIÊN VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 111A Pasteur, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 – DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Xây dựng số 1 – TNHH Một thành viên (dưới đây gọi tắt là “Công ty”) trước đây là một doanh nghiệp Nhà nước. Công ty được chuyển đổi thành Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Một Thành viên theo Quyết định số 617/QĐ-BXD ngày 10 tháng 06 năm 2010 do Bộ trưởng Bộ xây dựng ký và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0301429113 ngày 29 tháng 07 năm 2010 do Sở kế hoạch và đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và Giấy chứng nhận thay đổi sau đó vào ngày 14 tháng 06 năm 2012.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần 1 là 492.000.000.000 VND.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty được đặt tại 111A Pasteur, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Tổng Công ty có đầu tư vào 6 công ty con như được trình bày tại mục 1.3 dưới đây (cùng với Tổng Công ty dưới đây gọi chung là “Nhóm Công ty”).

Các đơn vị trực thuộc tính đến 31 tháng 12 năm 2014 gồm:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Văn phòng Tổng Công ty	111A Pasteur, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
Chi nhánh Tổng Công ty tại Hà Nội	3-B9 Đầm Trấu, Hai Bà Trưng, Hà Nội, Việt Nam.
Công ty Mê Kông	Km 7, Xa Lộ Hà Nội, Phường Trường Thọ, Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Nhóm Công ty là:

- Xây lắp, xây dựng và thi công lắp đặt thiết bị máy móc công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, thủy điện, bưu điện, nền móng, công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị và khu công nghiệp, các công trình đường dây, trạm biến áp điện.
- Tư vấn xây dựng, đầu tư xây dựng, kinh doanh điện năng. Kinh doanh khai thác cảng biển, kinh doanh nhà.
- Dịch vụ cho thuê văn phòng, căn hộ.
- Mua bán vật tư
- Thiết kế xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật.
- Kinh doanh bất động sản.

1.3. Danh sách các công ty con được hợp nhất

Công ty con trực tiếp

STT	Tên công ty con	Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ
1.	Công ty CP Xây dựng số 14	51,17%
2.	Công ty CP Xây dựng số 1 Việt Hưng	50,17%
3.	Công ty CP Xây dựng số 1 Việt Quang	51,00%
4.	Công ty CP Xây dựng số 1 Việt Nguyên	51,40%
5.	Công ty CP Đầu tư và Xây dựng cầu Đồng Nai	41,21%
6.	Công ty CP Thủy điện Đak’rith	40,07%

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG SỐ 1 - TNHH MỘT THÀNH VIÊN VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 111A Pasteur, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

1.4. Danh sách công ty liên doanh, liên kết được tổng hợp quyền lợi vào báo cáo tài chính hợp nhất

<u>STT</u>	<u>Tên công ty liên kết</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích của Công ty</u>
1.	Công ty CP Xây dựng Việt Hòa	36,00%
2.	Công ty CP Xây dựng Việt Tổng	36,00%
3.	Công ty CP Xây dựng số 1 Việt Sơn	35,90%
4.	Công ty CP XD & KT VLXD Miền Trung	39,59%
5.	Công ty CP Xây Dựng và Kinh doanh vật tư (C&T)	36,16%
6.	Công ty CP Xây lắp Chương Dương	23,77%
7.	Công ty CP Cửu Long	21,89%
8.	Công ty CP Bê tông Biên Hòa	40,92%

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1. Năm tài chính

Năm tài chính của Nhóm Công ty từ 01/01 đến 31/12.

2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

2.3. Nguyên tắc lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Tổng Công ty Xây dựng Số 1 – TNHH Một Thành viên, báo cáo tài chính các công ty con và phần quyền lợi của Công ty trong lãi, lỗ của các công ty liên doanh, liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014. Các báo cáo tài chính của công ty con đã được lập cho cùng năm tài chính với Công ty theo các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của Công ty. Các bút toán điều chỉnh đã được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính thống nhất giữa các công ty con và Công ty.

Tất cả các số dư và các giao dịch nội bộ, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ đã được loại trừ khi hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện được loại trừ trên báo cáo tài chính hợp nhất, trừ trường hợp không thể thu hồi chi phí.

Lợi ích cổ đông thiểu số trong lợi nhuận hoặc lỗ và trong tài sản thuần của công ty con được trình bày riêng biệt, bao gồm lợi ích cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất ban đầu cùng với những thay đổi trong vốn chủ sở hữu của cổ đông thiểu số kể từ ngày hợp nhất.

3. CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1. Chế độ kế toán áp dụng

Nhóm Công ty áp dụng Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

3.2. Hình thức kế toán áp dụng

Nhóm Công ty áp dụng hình thức kế toán là Nhật ký chung.

3.3. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam

Nhóm Công ty tuân thủ Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

4.1. Các ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG SỐ 1 - TNHH MỘT THÀNH VIÊN VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 111A Pasteur, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

4.2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ. Số dư các khoản mục tiền, nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ, ngoại trừ số dư các khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ, số dư chi phí trả trước bằng ngoại tệ và số dư doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ, được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ tăng giảm được hạch toán vào kết quả kinh doanh trong kỳ.

4.3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền gửi tiết kiệm, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn không quá 3 tháng hoặc các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao. Các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro trong việc chuyển thành tiền.

4.4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác thể hiện giá trị có thể thực hiện được theo dự kiến.

4.5. Hàng tồn kho

Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho:

Hàng tồn kho được hạch toán theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hạch toán theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Nhóm Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu: Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.
- Chi phí các công trình dở dang: Chi phí nguyên vật liệu, các chi phí phải trả cho các nhà thầu xây dựng, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung có liên quan. Các chi phí này được tập hợp theo từng công trình, hạng mục công trình.

Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho:

Hàng tồn kho được hạch toán theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hạch toán theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

4.6. Tài sản cố định hữu hình

- Nguyên tắc ghi nhận nguyên giá tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp khác và thuế trước bạ (nếu có).

- Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

	Năm 2014
+ Nhà cửa, vật kiến trúc	2 - 25 năm
+ Máy móc thiết bị	2 - 13 năm
+ Phương tiện vận tải truyền dẫn	2 - 10 năm
+ Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 10 năm
+ Tài sản khác	2 - 30 năm

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG SỐ 1 - TNHH MỘT THÀNH VIÊN VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 111A Pasteur, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà Nhóm Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính, cụ thể như sau:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế là giá trị quyền sử dụng diện tích đất tại số 51 đường Nguyễn Thị Minh Khai, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam trong 50 năm của Công ty. Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất.

Chi phí đền bù giải phóng mặt bằng

Chi phí đền bù giải phóng mặt bằng là toàn bộ các chi phí thực tế Nhóm Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng làm công trình Nhà máy Thủy điện Đăk R'Tít. Chi phí đền bù đất được khấu hao trong 30 năm phù hợp với thời gian khấu hao của công trình Nhà máy Thủy điện Đăk R'Tít.

4.7. Chi phí xây dựng dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Nhóm Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang là nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng về giá trị các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

4.8. Nguyên tắc vốn hóa các khoản chi phí đi vay và các khoản chi phí khác

- Nguyên tắc vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

4.9. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

- Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu.
- Các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác được ghi nhận theo giá gốc.

4.10. Chi phí phải trả và dự phòng phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận căn cứ vào các thông tin có được vào thời điểm cuối năm và các ước tính dựa vào thống kê kinh nghiệm.

4.11. Phân chia lợi nhuận

Nhóm Công ty trích lập các quỹ dự trữ từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Nhóm Công ty theo Quyết định của Hội đồng thành viên Nhóm Công ty và các qui định của pháp luật Việt Nam.

4.12. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

- Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.
- Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG SỐ 1 - TNHH MỘT THÀNH VIÊN VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 111A Pasteur, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

- Doanh thu từ hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo chính sách kế toán về hợp đồng xây dựng như trình bày dưới đây.
- Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.
- Lãi từ các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu

4.13. Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán theo tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy thì không một khoản lợi nhuận nào được ghi nhận, kể cả khi tổng chi phí thực hiện hợp đồng có thể vượt quá tổng doanh thu của hợp đồng.

4.14. Thuế

- Thuế thu nhập doanh nghiệp

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành
Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất (và các luật thuế) có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

Các báo cáo thuế của các công ty trong Nhóm Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế đối với báo cáo thuế của các công ty trong Nhóm Công ty.

4.15. Công cụ tài chính

- Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Nhóm Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, các khoản cho vay.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Nhóm Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, các khoản nợ, các khoản vay.

- Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.16. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động.

**TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG SỐ 1 - TNHH MỘT THÀNH VIÊN
VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: 111A Pasteur, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Tiền mặt	7.091.989.242	9.610.365.089
Tiền gửi ngân hàng	697.142.361.310	217.422.359.549
Các khoản tương đương tiền	98.700.000.000	80.502.778.205
Tổng cộng	802.934.350.552	307.535.502.843

5.2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	408.150.438.819	50.703.616.667
Các khoản cho vay ngắn hạn	10.881.434.721	34.623.772.541
Đầu tư chứng khoán ngắn hạn	-	4.293.679.000
Đầu tư ngắn hạn khác	252.735.000	252.735.000
Cộng giá gốc các khoản đầu tư ngắn hạn	419.284.608.540	89.873.803.208
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	-	(3.482.934.000)
Giá trị thuần của đầu tư tài chính ngắn hạn	419.284.608.540	86.390.869.208

5.3. Các khoản phải thu ngắn hạn

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Phải thu khách hàng	1.196.176.430.264	995.008.818.666
Trả trước cho người bán	409.685.789.241	187.831.242.336
Các khoản phải thu khác	133.016.585.905	200.633.168.632
Cộng các khoản phải thu ngắn hạn	1.738.878.805.410	1.383.473.229.634
Dự phòng khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	(15.405.451.275)	(91.693.592.479)
Giá trị thuần của các khoản phải thu	1.723.473.354.135	1.291.779.637.155

Quyền đòi nợ phát sinh từ các hợp đồng kinh tế xây dựng các công trình: Trung tâm hành chính Lâm Đồng; Công trình khu trung tâm chính trị huyện Mô Cày Bắc; Bệnh viện Đa Khoa Xuân Lộc; Mở rộng Quốc lộ 1 đoạn qua TP. Tân An; Xây dựng cầu Hóa An TP. Biên Hòa, Đồng Nai; Cải tạo trụ sở làm việc kho bạc Nhà nước Lâm Đồng; Gói xây lắp số 33 - Kênh làm mát – Nhà máy Nhiệt điện Nghi Sơn; KTX Đại học quốc gia được dùng để thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn ngân hàng – Xem thêm mục 5.12 và 5.16.

**TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG SỐ 1 - TNHH MỘT THÀNH VIÊN
VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: 111A Pasteur, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

5.4. Hàng tồn kho

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu	30.948.468.834	28.229.060.691
Công cụ, dụng cụ	694.555.381	192.007.600
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	604.814.659.647	475.170.083.116
Thành phẩm	-	895.758.426
Hàng hóa	43.374.235.555	5.525.745.299
Hàng hóa bất động sản	1.676.400.000	1.676.400.000
Cộng giá gốc hàng tồn kho	681.508.319.417	511.689.055.132
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	(1.357.737.936)
Giá trị thuần có thể thực hiện	681.508.319.417	510.331.317.196

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang là các chi phí liên quan đến các hợp đồng xây dựng còn dở dang

5.5. Tài sản ngắn hạn khác

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Tài sản thiếu chờ xử lý	235.878.759	3.130.925.355
Tạm ứng	62.253.769.140	73.482.073.592
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	493.023.604	5.831.537.457
Tổng cộng	62.982.671.503	82.444.536.404

5.6. Phải thu dài hạn khác

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Phải thu về tiền thi công công trình thủy điện Đăk R'Tít	66.061.367.376	-
Phải thu về tiền chi hộ nhà thầu thực hiện thi công công trình nhà máy thủy điện Đăk R'Tít	449.926.766	-
Cộng	66.511.294.142	-

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG SỐ 1 - TNHH MỘT THÀNH VIÊN VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 111A Pasteur, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

5.7. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	354.982.867.170	239.006.719.230	74.735.142.900	4.609.373.065	3.224.745.559.393	3.898.079.661.758
Mua trong năm	368.376.020	22.019.373.495	83.078.895.705	1.240.759.616	43.500.000	106.750.904.836
Đầu tư XDCB hoàn thành	25.665.842.323	-	-	-	3.249.909.787	28.915.752.110
Tặng khác	-	-	25.855.000	11.954.000	-	37.809.000
Thanh lý, nhượng bán	-	(21.364.040.283)	(8.868.471.128)	(985.249.953)	(75.367.460)	(31.293.128.824)
Giảm khác	(1.383.309.918)	(29.282.883.103)	(4.305.621.859)	(170.706.375)	(40.661.911)	(35.183.183.166)
Số dư cuối năm	379.633.775.595	210.379.169.339	144.665.800.618	4.706.130.353	3.227.922.939.809	3.967.307.815.714
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	74.778.489.032	169.748.202.207	47.313.454.312	3.781.230.699	357.460.031.740	653.081.407.990
Phân loại lại						
Khấu hao trong năm	15.057.286.450	17.602.638.944	11.844.867.950	497.889.536	164.336.189.170	209.338.872.050
Tặng khác	-	-	25.855.000	11.954.000	-	37.809.000
Thanh lý, nhượng bán	-	(20.699.285.459)	(7.485.331.720)	(985.249.953)	(75.367.460)	(29.245.234.592)
Giảm khác	(954.047.460)	(20.787.211.493)	(3.282.310.955)	(218.059.204)	(113.921)	(25.241.743.033)
Số dư cuối năm	88.881.728.022	145.864.344.199	48.416.534.587	3.087.765.078	521.720.739.529	807.971.111.415
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm	280.204.378.138	69.258.517.023	27.421.688.588	828.142.366	2.867.285.527.653	3.244.998.253.768
Tại ngày cuối năm	290.752.047.573	64.514.825.140	96.249.266.031	1.618.365.275	2.706.202.200.280	3.159.336.704.299

Giá trị còn lại cuối năm của tài sản đã dùng thế chấp cho các khoản vay là 3.079.448.654.845 VND – Xem thêm mục 5.12 và 5.16.

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 131.898.206.512 VND.

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG SỐ 1 - TNHH MỘT THÀNH VIÊN VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 111A Pasteur, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

5.8. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	VND		
	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	Tổng cộng
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	489.974.705.926	414.680.406	490.389.386.332
Mua trong năm	7.098.226.017	-	7.098.226.017
Số dư cuối năm	497.072.931.943	414.680.406	497.487.612.349
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	35.155.380.445	122.000.665	35.277.381.110
Khấu hao trong năm	14.909.404.080	110.226.804	15.019.630.884
Số dư cuối năm	50.064.784.525	232.227.469	50.297.011.994
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	454.819.325.481	292.679.741	455.112.005.222
Tại ngày cuối năm	447.008.147.418	182.452.937	447.190.600.355

Giá trị quyền sử dụng đất đã dùng để thế chấp cho các khoản vay dài hạn và trái phiếu phát hành – Xem thêm mục 5.12 và 5.16.

5.9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Công trình dự án thủy điện Đăk R'Tính	1.244.687.079	18.338.173.444
Công trình chung cư Hạnh Phúc	499.643.108.340	420.440.277.147
Dự án BOT cầu Đồng Nai	1.187.967.263.891	627.442.972.287
Dự án trường công nhân kỹ thuật	5.560.888.223	5.488.888.223
Dự án Khu dân cư Thiên Hòa	-	1.765.609.138
Dự án cầu Thái Hà	6.221.781.729	6.221.781.729
Máy móc, thiết bị trong giai đoạn chạy thử	24.642.889.680	-
Chi phí quản lý dự án cầu Đồng Nai	20.456.929.399	15.254.154.747
Các chi phí xây dựng cơ bản dở dang khác	5.996.680.371	987.074.969
Tổng cộng	1.751.734.228.712	1.095.938.931.684

5.10. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	74.355.597.303	96.654.811.684
Đầu tư dài hạn khác	68.615.095.927	98.093.196.837
Cộng giá gốc các khoản đầu tư dài hạn	142.970.693.230	194.748.008.521
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn khác	(70.067.797)	(3.572.801.088)
Giá trị thuần của đầu tư tài chính dài hạn	142.900.625.433	191.175.207.433

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG SỐ 1 - TNHH MỘT THÀNH VIÊN VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 111A Pasteur, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Đầu tư vào cổ phiếu công ty liên doanh, liên kết được chi tiết như sau:

			VND	
	Phân loại đầu tư	Số lượng cổ phần	Vốn góp theo phương pháp giá gốc đến 31/12/2014	Vốn góp theo phương pháp vốn chủ sở hữu đến 31/12/2014
Công ty CP XD & KT VLXD Miền Trung	Liên kết	373.500	3.735.000.000	-
Công ty CP Kinh doanh vật tư (C&T)	Liên kết	3.621.850	58.772.279.000	3.649.584.011
Công ty CP Xây lắp Chương Dương	Liên kết	3.733.348	38.921.625.000	60.187.001.856
Công ty CP Cửu Long	Liên kết	436.800	4.683.000.000	5.533.818.584
Công ty CP Bê tông Biên Hòa	Liên kết	1.841.282	19.164.220.000	-
Công ty TNHH Xây dựng Việt Hòa	Liên kết	180.000	1.800.000.000	2.499.613.479
Công ty TNHH Xây dựng Việt Tổng	Liên kết	204.000	2.040.000.000	-
Công ty CP Xây dựng số 1 Việt Sơn	Liên kết	184.800	1.848.000.000	2.485.579.373
Cộng		10.575.580	130.964.124.000	74.355.597.303

Đầu tư dài hạn khác được chi tiết như sau:

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Đầu tư cổ phiếu	55.353.678.706	80.953.678.706
Đầu tư dài hạn khác	13.261.417.221	17.139.518.131
Tổng cộng	68.615.095.927	98.093.196.837

Đầu tư cổ phiếu dài hạn được chi tiết như sau:

	VND			
	Cuối năm		Đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Công ty CP Xây dựng Số 5	2.104.121	20.604.418.000	2.104.121	20.604.418.000
Công ty Cổ phần Xây dựng Miền Đông	2.104.843	23.809.630.706	2.104.843	23.809.630.706
Công ty CP Điện Lực Dầu Khí N. Trạch 2	-	-	2.560.000	25.600.000.000
Công ty CP XD & SXVL XD	1.093.963	10.939.630.000	1.093.062	10.939.630.000
Cộng	5.302.927	55.353.678.706	7.862.026	80.953.678.706

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG SỐ 1 - TNHH MỘT THÀNH VIÊN VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 111A Pasteur, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Đầu tư dài hạn khác được chi tiết như sau:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Xi măng Đô Lương	-	3.068.100.910
Công ty liên doanh Lenex	12.601.349.424	12.601.349.424
Các khoản đầu tư khác	660.067.797	1.470.067.797
Tổng cộng	13.261.417.221	17.139.518.131

Công ty liên doanh Lenex là công ty liên doanh giữa Tổng Công ty Xây dựng Số 1 – TNHH Một Thành viên và Deockwon Constructions Co., Ltd, Hàn Quốc trong đó, Tổng Công ty góp vốn với tỷ lệ 50%. Trong năm 2012, giám đốc Công ty liên doanh Lenex đã bỏ về nước và công ty này gần như không hoạt động. Do vậy, Nhóm Công ty không nhận được báo cáo tài chính từ năm 2012 đến năm 2014 của Công ty này.

5.11. Chi phí trả trước dài hạn

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Tiền thuê đất trạm Hiệp Phước	2.895.814.710	1.642.310.333
Chi phí bảo lãnh	376.285.199	1.178.833.241
Chi phí đền bù giải phóng mặt bằng	4.472.814.071	-
Chi phí về thuê hoạt động TSCD	543.074.989	-
Chi phí sửa chữa tài sản cố định và văn phòng	3.748.316.843	4.449.184.248
Chi phí công cụ dụng cụ	24.543.142.904	24.712.895.208
Chi phí trả trước dài hạn khác	3.034.389.171	16.855.958.944
Tổng cộng	39.613.837.887	48.839.181.974

5.12. Vay và nợ ngắn hạn

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Vay ngân hàng	1.402.354.613.197	933.890.321.435
Vay đối tượng khác	10.601.906.711	77.393.777.427
Nợ dài hạn đến hạn trả	374.770.392.624	58.362.140.217
Trái phiếu phát hành đến hạn trả	1.419.656.787	-
Tổng cộng	1.789.146.569.319	1.069.646.239.079

Các khoản vay ngân hàng có thời hạn từ 4 tháng đến 12 tháng, chịu lãi suất từ 6,8% đến 13%/năm. Các khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản cố định, quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của các công ty và các bên liên quan là cá nhân, tiền gửi ký quỹ, quyền đòi nợ phát sinh từ các hợp đồng kinh tế xây dựng các công trình: Trung tâm hành chính Lâm Đồng; Công trình khu trung tâm chính trị huyện Mỏ Cày Bắc; BV Đa Khoa Xuân Lộc; Mở rộng Quốc lộ 1 đoạn qua TP. Tân An; Xây dựng cầu Hóa An TP. Biên Hòa, Đồng Nai; Cải tạo trụ sở làm việc kho bạc Nhà nước Lâm Đồng; Gói xây lắp số 33 - Kênh làm mát - NMNĐ Nghệ Sơn; KTX Đại học quốc gia – Xem thêm mục 5.2; 5.7 và 5.8.

Vay đối tượng khác là các khoản vay cá nhân dưới hình thức tín chấp với thời hạn từ 3 tháng đến 12 tháng và chịu lãi suất từ 1%/tháng.

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG SỐ 1 - TNHH MỘT THÀNH VIÊN VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 111A Pasteur, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

5.13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Thuế giá trị gia tăng	39.546.554.257	30.762.261.272
Thuế thu nhập doanh nghiệp	8.664.484.221	10.686.155.356
Thuế thu nhập cá nhân	2.018.051.049	1.490.893.803
Thuế tài nguyên	15.951.916.257	2.864.584.919
Tiền thuê đất	1.000.000.000	1.000.000.000
Các loại thuế khác	1.274.462.534	9.173.816.997
Tổng cộng	68.455.468.318	55.977.712.347

5.14. Chi phí phải trả

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Chi phí các trạm Bê Tông	344.289.091	-
Chi phí lãi trái phiếu phát hành	-	1.725.849.646
Chi phí lãi vay phải trả	22.925.961.290	-
Chi phí thí nghiệm trạm Đakrith	2.401.399.372	-
Chi phí phải trả liên quan đến các dự án	51.249.952.848	27.722.213.766
Tổng cộng	76.921.602.601	29.448.063.412

5.15. Phải trả dài hạn khác

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Nhận góp vốn đầu tư dự án Xi măng Đô Lương	-	1.286.518.000
Nhận góp vốn đầu tư dự án KDC Hạnh Phúc	-	1.039.569.688
Chi phí Quyền sử dụng đất 51 Nguyễn Thị Minh Khai	101.878.951.824	101.878.951.824
Ký quỹ ký cược dài hạn	23.548.444.005	19.242.194.168
Chi phí liên quan dự án Đakrith	219.030.099.473	253.189.646.265
Trích trước chi phí các công trình	40.029.593.436	73.560.722.304
Các khoản phải trả dài hạn khác	-	14.323.704.159
Trích trước giá vốn khai thác Cầu Đồng Nai	294.751.503.288	242.107.435.368
Tổng cộng	679.238.592.026	706.628.741.776

Lô đất tại 51 Nguyễn Thị Minh Khai được Tổng Công ty thực hiện dự án nhà văn phòng và căn hộ cho thuê với giá trị quyền sử dụng đất là 176.950.800.000 đồng. Tuy nhiên, Tổng Công ty thực hiện đầu tư xây dựng cao ốc văn phòng cho thuê và bán căn hộ. Do vậy, Tổng Công ty Xây dựng Số 1 – TNHH Một Thành viên đang thực hiện thủ tục để xác định chênh lệch giá trị quyền sử dụng đất phải nộp bổ sung. Theo đề nghị của Tổ thẩm định giá thuộc Sở Tài chính Vật giá Thành phố Hồ Chí Minh giá trị phải nộp bổ sung là 101.878.951.824 đồng. Tuy nhiên đến thời điểm phát hành báo cáo, Tổng Công ty vẫn chưa nhận được văn bản chính thức từ UBND Thành phố Hồ Chí Minh về giá trị quyền sử dụng đất. Tổng Công ty đã tạm trích phần giá trị quyền sử dụng đất tăng thêm này vào giá vốn bán căn hộ vào năm tài chính 2011.

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG SỐ 1 - TNHH MỘT THÀNH VIÊN VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 111A Pasteur, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Chi phí của dự án Đak'rtih là khoản chênh lệch giữa giá trị tạm tính của công trình Thủy điện Đak'rtih và giá trị ghi sổ của công trình này.

Dự án Cầu Đồng Nai là dự án BOT, Tổng Công ty là đơn vị Tổng thầu thi công, Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Cầu Đồng Nai là đơn vị quản lý và khai thác. Theo thỏa thuận giữa Tổng Công ty và Cục đường bộ Việt Nam thì trong thời gian thi công, Tổng Công ty được lập trạm thu phí tại trạm Sông Phan tỉnh Bình Thuận, đến khi hoàn thành dự án thì sẽ được thu phí tại đầu cầu. Do dự án chưa hoàn thành, nhưng Công ty đã khai thác trạm thu phí Sông Phan và có doanh thu từ năm 2009 nên Công ty tạm trích khấu hao cầu Đồng Nai từ năm 2009 đến nay.

5.16. Vay và nợ dài hạn

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Vay ngân hàng	2.377.006.681.127	2.026.524.434.130
Vay đối tượng khác	6.200.000.000	3.200.000.000
Trái phiếu phát hành	700.000.000.000	300.000.000.000
Nợ dài hạn khác	2.902.809.937	-
Tổng cộng	3.086.109.491.064	2.329.724.434.130

Vay dài hạn ngân hàng tại Tổng Công ty Xây dựng số 1 - TNHH Một Thành Viên là 1.176.091.376.577 VND, bao gồm các khoản vay có thời hạn từ 3 đến 10,5 năm chịu lãi suất từ 5% đến 12%/năm nhằm mục đích xây dựng các dự án Khu dân cư Hạnh Phúc; Xây dựng cao ốc Sailing Tower tại 51 Nguyễn Thị Minh Khai, P. Bến Nghé, Q.1, TP HCM; dự án Đầu tư xây dựng Cầu Đồng Nai và tuyến hai đầu cầu từ Ngã ba Tân Vạn đến điểm cuối tuyến tránh TP Biên Hòa theo hình thức BOT; Đầu tư máy móc thiết bị. Các khoản vay này được thế chấp bằng các tài sản:

+ Tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Bến Thành có giá trị 100.000.000.000 VND.

+ Tài sản cố định thế chấp với tổng giá trị 93.354.657.143 VND.

+ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai từ dự án xây dựng Khu dân cư Hạnh Phúc tại Xã Bình Hưng, Huyện Bình Chánh, TP. HCM trong tương lai; Quyền sở hữu các căn hộ hình thành trong tương lai; 75 quyền thu tiền từ các hợp đồng, phụ lục hợp đồng mua bán căn hộ trong tương lai; Quyền sở hữu khai thác các công trình dịch vụ trong tương lai với giá trị là 681.182.000.000 VND.

+ Quyền thu phí tại Trạm thu phí Sông Phan, Trạm thu phí Cầu Đồng Nai và các quyền tài sản khác theo quy định trong Hợp đồng xây dựng - Kinh doanh - Chuyển giao (B.O.T) số 22/HĐ.BOT - CĐBVN ngày 16/05/2008 và các phụ lục sửa đổi bổ sung giá trị 824.037.000.000 VND.

+ Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất, quyền khai thác và sử dụng toàn bộ nguồn thu đối với cao ốc Sailing Tower tọa lạc tại 51 Nguyễn Thị Minh Khai, p. Bến Nghé, Q.1, TP.HCM; các quyền đòi nợ khác với giá trị 727.717.653.000 VND.

Vay ngân hàng tại Công ty CP Thủy Điện Đak'rtih là 1.169.376.807.030 VND, các khoản vay ngân hàng với thời hạn từ 144 tháng đến 168 tháng. Lãi suất cho vay: 6,9%/năm đối với khoản vay USD và 8,4%/năm đối với khoản vay VND. Mục đích đầu tư dự án nhà máy thủy điện Dakrtik, được thế chấp bằng tài sản hình thành trong tương lai.

Các khoản vay ngân hàng khác có thời hạn từ 2 năm đến 5 năm, lãi suất từ 8,3% đến 16,2%/năm. Các khoản vay này bảo đảm bằng máy móc thiết bị, hợp đồng tiền gửi và các tài sản được hình thành trong tương lai.

Vay đối tượng khác là khoản vay cá nhân dưới hình thức tín chấp và chịu lãi suất từ 9,5% đến 11%/năm.

Trái phiếu phát hành cho Ngân hàng có kỳ hạn 5 năm, lãi trái phiếu được trả 6 tháng 1 lần, nợ gốc được thanh toán một lần vào ngày đáo hạn, lãi suất áp dụng từ 11% đến 12,83%/năm.

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG SỐ 1 - TNHH MỘT THÀNH VIÊN VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 111A Pasteur, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Trái phiếu phát hành được thế chấp bằng quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất, quyền khai thác và sử dụng toàn bộ nguồn thu (bao gồm nguồn thu cho thuê văn phòng, khu thương mại và cung cấp dịch vụ tòa nhà...) đối với cao ốc Sailing Tower tọa lạc tại địa chỉ 51 Nguyễn Thị Minh Khai, P. Bến Nghé, Q.1, Tp. Hồ Chí Minh. Các tài sản, quyền và lợi ích sau (nếu có) cũng thuộc tài sản thế chấp:

- + Các tài sản gắn liền với tài sản thế chấp do Công ty đầu tư, tạo lập trước và trong khi thế chấp;
- + Vật phụ của tài sản thế chấp;
- + Hoa lợi, lợi tức và các quyền phát sinh từ tài sản thế chấp;
- + Tiền, tài sản đền bù, bồi thường thiệt hại, bảo hiểm phát sinh từ tài sản thế chấp.

5.17. Dự phòng phải trả dài hạn

Là chi phí bảo hành công trình được chi tiết như sau:

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Công trình Ký túc xá Đại Học Quốc gia Tp.HCM	-	13.183.270.726
Công trình Ký túc xá Đại Học Đà Lạt	1.389.637.040	6.569.792.355
Công trình Nhà máy Nhiệt Điện Nghi Sơn 1	-	4.178.547.232
Công trình Nhà máy sửa Việt Nam	-	8.719.227.273
Công trình Sửa chữa Trụ sở làm việc Công An TP.HCM	7.518.743.166	-
Công trình TTHC tỉnh Lâm Đồng	7.723.433.464	3.623.205.120
Công trình XD VS Thoát nước Đà Nẵng	-	1.248.817.764
Công trình Nhà máy nước Thủ Đức	1.632.391.693	-
Công trình Kho bạc tỉnh Lâm Đồng	1.173.245.564	-
Công trình Việt Thuận Thành	4.190.275.992	-
Công trình Bệnh Viện Thành Đô	5.528.685.032	5.528.685.032
Công trình Viện tim Tp.HCM	1.190.912.908	-
Các công trình khác	5.720.149.456	3.521.032.573
Tổng cộng	36.067.474.315	46.572.578.075

5.18. Doanh thu chưa thực hiện

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Nhận trước tiền thuê mặt bằng tại Sailing Tower	67.100.044.308	71.332.477.346
Nhận trước tiền từ dự án KDC Hạnh Phúc	76.021.014.236	84.249.908.076
Doanh thu chưa thực hiện khác	118.600.930	118.600.930
Tổng cộng	143.239.659.474	155.700.986.352

**TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG SỐ 1 - TNHH MỘT THÀNH VIÊN
VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: 111A Pasteur, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

5.19. Vốn chủ sở hữu									
5.19.1. Biến động của Vốn chủ sở hữu									
	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Nguồn vốn đầu tư XDCB	Quý đầu tư phát triển	Quý dự phòng tài chính xếp doanh nghiệp	Quý hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng	
Số dư đầu năm trước	413.797.544.439	-	298.464.828	79.111.829.328	11.018.666.409	35.862.628.494	149.011.533.550	689.100.667.048	
Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-	-	
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	-	-	10.933.188.927	10.933.188.927	
Tăng khác	2.394.072.209	484.500.000	-	29.855.996.535	11.679.059.521	13.983.987.144	(2.394.072.209)	56.003.543.200	
Trích các quỹ	-	-	-	10.239.959.825	2.065.159.782	-	(12.305.119.607)	-	
Giảm khác	-	-	-	(492.789.820)	-	-	(41.629.190.684)	(42.121.980.504)	
Số dư đầu năm nay	416.191.616.648	484.500.000	298.464.828	118.714.995.868	24.762.885.712	49.846.615.638	103.616.339.977	713.915.418.671	
Tăng vốn trong năm nay	95.613.986.879	-	-	-	-	(22.138.005.141)	-	73.475.981.738	
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	-	-	-	106.092.859.252	106.092.859.252	
Tăng khác	-	-	-	-	-	-	10.147.990.942	10.147.990.942	
Trích các quỹ	-	-	-	19.373.149.294	1.953.829.343	16.446.892.423	(37.773.871.059)	-	
Giảm khác	-	-	-	(2.754.450.615)	(10.383.572.185)	(1.817.203.209)	(31.139.797.035)	(46.095.023.045)	
Số dư cuối năm nay	511.805.603.527	484.500.000	298.464.828	135.333.694.547	16.333.142.870	42.338.299.711	150.943.522.075	857.537.227.558	

**TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG SỐ 1 - TNHH MỘT THÀNH VIÊN
VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: 111A Pasteur, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT

6.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng hóa	592.787.346.091	360.940.295.182
Doanh thu xây lắp	3.145.488.287.822	1.858.938.757.039
Doanh thu bán bê tông tươi	114.085.209.322	88.725.658.768
Doanh thu bán điện	636.668.637.996	535.315.630.481
Doanh thu cung cấp dịch vụ	191.569.338.140	187.036.608.501
Tổng cộng	4.680.598.819.371	3.030.956.949.971

6.2. Giá vốn hàng bán

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn bán hàng hóa	547.349.781.358	322.836.734.203
Giá vốn xây lắp	3.024.658.560.351	1.750.019.262.243
Giá vốn bán bê tông tươi	109.326.283.093	86.644.105.031
Giá vốn bán điện	204.116.691.583	202.408.471.859
Giá vốn cung cấp dịch vụ	119.035.590.864	116.218.097.777
Tổng cộng	4.004.486.907.249	2.478.126.671.113

6.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	28.036.563.889	16.112.378.142
Cổ tức được chia	4.845.394.900	9.246.010.570
Lãi chậm thanh toán	3.734.001.900	16.134.116.114
Khác	2.869.338.025	3.490.297.073
Tổng cộng	39.485.298.714	44.982.801.899

6.4. Chi phí tài chính

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	293.932.698.570	316.787.293.821
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính	(3.482.934.000)	15.162.260.683
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	2.840.775.106	795.577.275
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	2.388.781.498	-
Khác	13.987.497.478	14.056.564.119
Tổng cộng	309.666.818.652	346.801.695.898

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG SỐ 1 - TNHH MỘT THÀNH VIÊN VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 111A Pasteur, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

7. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN CÓ LIÊN QUAN

- Trong năm, Nhóm Công ty đã có giao dịch trọng yếu với các bên liên quan sau:

Danh sách các bên liên quan

Mối quan hệ

1. Công ty LD Lenex	Công ty liên doanh
2. Công ty CP XD & KT VLXD Miền Trung	Công ty liên kết
3. Công ty CP Xây Dựng và Kinh doanh vật tư (C&T)	Công ty liên kết
4. Công ty CP Xây lắp Chương Dương	Công ty liên kết
5. Công ty CP Cửu Long	Công ty liên kết
6. Công ty CP Bê tông Biên Hòa	Công ty liên kết
7. Công ty CP Xây dựng Việt Hòa	Công ty liên kết
8. Công ty CP Xây dựng Việt Tổng	Công ty liên kết
9. Công ty CP Xây dựng số 1 Việt Sơn	Công ty liên kết

- Giao dịch nội bộ giữa các công ty trong Nhóm Công ty đã được loại trừ trong quá trình hợp nhất.

- Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải thu (phải trả) với các bên liên quan như sau:

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Phải thu		
Công ty LD Lenex	-	1.907.309.056
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng An Thịnh	-	16.860.997.502
Công ty CP XD & KT VLXD Miền Trung	6.165.731.855	-
Công ty CP Xây Dựng và Kinh doanh vật tư (C&T)	3.216.364.028	11.392.492.637
Công ty CP Xây lắp Chương Dương	17.648.593.106	3.917.623.115
Công ty CP Cửu Long	290.248.940	2.785.264.186
Công ty CP Bê tông Biên Hòa	11.464.152.118	3.825.452.479
Công ty CP Xây dựng Việt Hòa	648.211.039	-
Công ty CP Xây dựng Việt Tổng	35.684.133.704	-
Công ty CP Xây dựng số 1 Việt Sơn	6.658.881.019	-
Cộng	81.776.315.809	40.689.138.975
		VND
	Cuối năm	Đầu năm
Phải trả		
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng An Thịnh	-	(621.725.535)
Công ty CP Xây Dựng và Kinh doanh vật tư (C&T)	-	(9.432.347.506)
Công ty CP Xây lắp Chương Dương	-	(5.071.103.267)
Công ty CP Cửu Long	(27.739.364.140)	(1.039.569.688)
Công ty CP Bê tông Biên Hòa	-	(1.217.358.915)
Công ty CP Xây dựng Việt Hòa	(4.344.170.447)	-

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG SỐ 1 - TNHH MỘT THÀNH VIÊN VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 111A Pasteur, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Công ty CP Xây dựng Việt Tổng	-	-
Công ty CP Xây dựng số 1 Việt Sơn	(21.838.060.680)	-
Cộng	(53.921.595.267)	(16.760.379.376)
		VND
	Cuối năm	Đầu năm
Vay ngắn hạn		
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng An Thịnh	-	884.260.098
Cộng	-	884.260.098
▪ Bản chất các giao dịch nội bộ quan trọng và giá trị giao dịch trong năm như sau:		
		VND
	Năm nay	Năm trước
Mua thép		
Công ty CP Xây Dựng và Kinh doanh vật tư (C&T)	20.155.928.083	16.214.378.925
Công ty CP Cửu Long	73.456.036	-
Cộng	20.229.384.119	16.214.378.925
		VND
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán vật tư		
Công ty CP XD & KT VLXD Miền Trung	568.379.544	-
Công ty CP Xây Dựng và Kinh doanh vật tư (C&T)	-	76.206.596.618
Công ty CP Xây lắp Chương Dương	-	4.868.224.906
Công ty CP Cửu Long	8.364.802.115	25.630.519.436
Công ty CP Bê tông Biên Hòa	8.697.703.420	4.967.487.353
Công ty CP Xây dựng Việt Hòa	1.716.006.204	-
Công ty CP Xây dựng Việt Tổng	393.295.214	-
Công ty CP Xây dựng số 1 Việt Sơn	19.076.537.750	-
Cộng	38.816.724.247	111.672.828.313
		VND
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu khấu trừ thầu phụ		
Công ty CP XD & KT VLXD Miền Trung	382.605.861	-
Công ty CP Xây lắp Chương Dương	509.819.091	71.334.400
Công ty CP Cửu Long	294.175.392	753.006.452
Công ty CP Bê tông Biên Hòa	-	35.090.484
Công ty CP Xây dựng Việt Hòa	151.850.113	-
Công ty CP Xây dựng Việt Tổng	234.048.140	-
Công ty CP Xây dựng số 1 Việt Sơn	235.964.424	-
Cộng	1.808.463.021	859.431.336

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG SỐ 1 - TNHH MỘT THÀNH VIÊN VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 111A Pasteur, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí thương hiệu		
Công ty CP Xây dựng Việt Hòa	363.636.364	-
Công ty CP Xây dựng Việt Tổng	363.636.364	-
Công ty CP Xây dựng số 1 Việt Sơn	363.636.364	-
Cộng	1.090.909.092	-
		VND
	Năm nay	Năm trước
Cổ tức, lợi nhuận được chia		
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng An Thịnh	-	668.300.000
Công ty CP Xây lắp Chương Dương	-	5.925.940.000
Công ty CP Cửu Long	262.080.000	168.000.000
Công ty CP Xây dựng số 1 Việt Sơn	221.760.000	-
Cộng	483.840.000	6.762.240.000
		VND
	Năm nay	Năm trước
Lãi vật tư trả chậm		
Công ty CP Xây Dựng và Kinh doanh vật tư (C&T)	-	1.379.594.964
Công ty CP Xây lắp Chương Dương	-	49.731.464
Công ty CP Cửu Long	18.975.011	83.024.123
Công ty CP Bê tông Biên Hòa	321.418.877	91.514.841
Công ty CP Xây dựng Việt Hòa	6.633.443	-
Công ty CP Xây dựng Việt Tổng	20.905.915	-
Công ty CP Xây dựng số 1 Việt Sơn	263.534.523	-
Cộng	631.467.769	1.603.865.392
		VND
	Năm nay	Năm trước
Lãi cho vay		
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng An Thịnh	-	101.123.000
Công ty CP Cửu Long	-	62.587.000
Cộng	-	163.710.000

8. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

▪ Quản lý rủi ro vốn

Tổng Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo Nhóm Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Nhóm Công ty gồm có các khoản nợ thuần, phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG SỐ 1 - TNHH MỘT THÀNH VIÊN VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 111A Pasteur, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

- Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp kế toán mà Nhóm Công ty áp dụng (bao gồm tiêu chuẩn ghi nhận, cơ sở đo lường, cơ sở ghi nhận doanh thu và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.15.

- Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2014	01/01/2014
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	802.934.350.552	307.535.502.843
Phải thu khách hàng	1.180.770.978.989	903.315.226.187
Đầu tư ngắn hạn	419.284.608.540	86.390.869.208
Đầu tư dài hạn khác	68.545.028.130	94.520.395.749
Tổng cộng	2.471.534.966.211	1.391.761.993.987
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	4.875.256.060.383	3.399.370.673.209
Phải trả người bán, phải trả khác ngắn hạn và dài hạn	1.193.016.790.745	1.293.762.607.711
Chi phí phải trả	22.925.961.290	1.725.849.646
Tổng cộng	6.091.198.812.418	4.694.859.130.566

Nhóm Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính (Thông tư 210) cũng như các quy định hiện hành chưa có những hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

- Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Nhóm Công ty chưa thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

- Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Nhóm Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Nhóm Công ty chưa thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro lãi suất

Nhóm Công ty chịu rủi ro trọng yếu về lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Nhóm Công ty chịu rủi ro lãi suất khi vay vốn với lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này được Nhóm Công ty quản lý bằng cách duy trì một tỷ lệ hợp lý giữa các khoản vay với lãi suất cố định và các khoản vay với lãi suất thả nổi.

Nhóm Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG SỐ 1 - TNHH MỘT THÀNH VIÊN VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 111A Pasteur, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Nhóm Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

▪ Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Nhóm Công ty. Nhóm Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Nhóm Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Nhóm Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

▪ Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Nhóm Công ty quản lý nhằm đảm bảo rằng mức chênh lệch cao hơn giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ được duy trì ở mức có thể được kiểm soát mà Nhóm Công ty tin rằng có thể tạo ra một khoản vốn tương ứng trong kỳ đó. Chính sách của Nhóm Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo rằng Nhóm Công ty duy trì đủ nguồn tiền từ tiền mặt, các khoản vay và vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các yêu cầu về tính thanh khoản trong ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày đáo hạn sớm nhất mà Nhóm Công ty phải trả.

	VND		
	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng cộng
31/12/2014			
Phải trả người bán, phải trả khác ngắn hạn và dài hạn	875.957.629.417	317.059.161.328	1.193.016.790.745
Chi phí phải trả	22.925.961.290	-	22.925.961.290
Các khoản vay	1.789.146.569.319	3.086.109.491.064	4.875.256.060.383
01/01/2014			
Phải trả người bán, phải trả khác ngắn hạn và dài hạn	696.473.212.943	597.289.394.768	1.293.762.607.711
Chi phí phải trả	1.725.849.646	-	1.725.849.646
Các khoản vay	1.069.646.239.079	2.329.724.434.130	3.399.370.673.209

Ban Tổng Giám đốc Nhóm Công ty đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản là thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Nhóm Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng này được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Nhóm Công ty vì tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	VND		
	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng cộng
31/12/2014			
Phải thu khách hàng	1.180.770.978.989	-	1.180.770.978.989
Đầu tư ngắn hạn	419.284.608.540	-	419.284.608.540
Đầu tư dài hạn	-	68.545.028.130	68.545.028.130

**TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG SỐ 1 - TNHH MỘT THÀNH VIÊN
VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: 111A Pasteur, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

01/01/2014	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng cộng
Phải thu khách hàng	903.315.226.187	-	903.315.226.187
Đầu tư ngắn hạn	419.284.608.540	-	419.284.608.540
Đầu tư dài hạn	-	68.545.028.130	68.545.028.130

9. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính hợp nhất.

10. CÁC THÔNG TIN THUYẾT MINH KHÁC

Hiện nay, Công ty đang trong giai đoạn thực hiện cổ phần hóa doanh nghiệp. Công ty đã thực hiện kiểm kê và xử lý tài chính về các khoản nợ tồn đọng, các khoản dự phòng khi xác định giá trị doanh nghiệp tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp là ngày 30/06/2014 theo hướng dẫn tại Thông tư 127/2014/TT-BTC ngày 05/09/2014 và Nghị định 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 để chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần. Theo quy định này, tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp, Công ty không phải thực hiện trích lập các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi, bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp. Các khoản dự phòng này được sử dụng để bù đắp các tổn thất theo quy định hiện hành, số còn lại tính vào giá trị phần vốn Nhà nước tại doanh nghiệp.

Trong giai đoạn từ thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp đến thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần, Công ty tiếp tục xử lý các tồn tại về tài chính. Thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp là ngày 30/06/2014, thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần dự kiến là ngày 30/06/2015. Theo hướng dẫn thì chỉ lập một báo cáo tài chính của cả thời kỳ, không tách riêng hai báo cáo ở thời điểm 31/12 và ở thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần. Tuy nhiên, tại thời điểm 31/12/2014 báo cáo tài chính được lập cho mục đích đáp ứng yêu cầu của một số bên sử dụng. Báo cáo tại thời điểm này không được quy định cũng như hướng dẫn lập. Hiện tại, trên báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2014 không thực hiện trích lập các khoản dự phòng như đã đề cập ở trên.

11. PHÊ DUYỆT PHÁT HÀNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 được Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt và phát hành vào ngày 26 tháng 03 năm 2015.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 03 năm 2015

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC





LÝ THỊ THANH THỦY

HUỖNH ANH DŨNG

LÊ HỮU VIỆT ĐỨC

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG SỐ 1 - TNHH MỘT THÀNH VIÊN VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 111A Pasteur, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHĨA VỤ VỚI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 31/12/2014

STT	Chi tiêu	Số thuế còn được khấu trừ & phải thu NN đầu kỳ	Số còn phải nộp đầu kỳ	Số phát sinh trong kỳ		Số còn phải nộp cuối kỳ	Số thuế còn được khấu trừ & phải thu NN cuối kỳ
				Số phải nộp	Số đã nộp		
	Tổng	46,428,682,714	50,570,832,012	572,563,199,396	569,823,781,280	68,455,468,318	130,595,161,347
1	Thuế GTGT hàng bán nội địa	45,960,532,732	-	477,517,200	490,937,118,268	39,546,554,257	126,427,822,156
2	Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	477,517,200	477,517,200	-	-
3	Thuế thu nhập doanh nghiệp	436,518,602	9,255,365,735	7,470,886,524	8,955,123,048	8,664,484,221	893,355,010
4	Thuế thu nhập cá nhân	31,631,380	1,245,480,444	5,979,585,454	7,039,816,937	2,018,051,049	1,832,802,088
5	Thuế xuất nhập khẩu	-	-	-	1,416,557,662	-	1,416,557,662
6	Thuế nhà đất	-	-	66,624,694	66,624,694	-	-
7	Tiền thuế đất, thuế tài nguyên	-	3,864,584,919	63,079,049,697	49,991,718,359	16,951,916,257	-
8	Thuế môn bài	-	6,000,000	21,000,000	27,000,000	-	-
9	Các khoản thuế khác	-	6,709,880,276	203,307,469	6,674,890,491	238,297,254	-
10	Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	2,280,465,590	2,988,489,880	4,237,414,621	1,036,165,280	24,624,431

Trong đó:

Tổng thuế còn phải nộp đầu năm (01/01/2014)

- Số thuế còn phải nộp 31/12/2013

- Loại trừ các chi phí đã chuyển từ công ty con

thành công ty liên kết vào năm 2014

+ Công ty Việt Tổng

+ Công ty Việt Hòa

+ Công ty Việt Sơn

Thuế và các khoản còn phải thu NN

Thuế GTGT còn được khấu trừ

50,570,832,012

55,977,712,347

5,406,880,335

2,918,311,617

572,195,165

1,916,373,553

497,912,996

45,930,769,718

68,455,468,318

15,145,218,191

115,449,943,156

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG SỐ 1 - TNHH MỘT THÀNH VIÊN VÀ CÁC CÔNG TY CON**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Địa chỉ: 111A Pasteur, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013**TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHĨA VỤ VỚI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC**

Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 31/12/2013

STT	Chi tiêu	Số thuế còn được khấu trừ & phải thu NN đầu kỳ	Số còn phải nộp cuối kỳ 31/12/2013	Cty Việt Sơn	Cty Việt Hòa	Cty Việt Tổng	Số còn phải nộp đầu kỳ 01/01/2014
	Tổng	46,428,682,714	55,977,712,347	1,916,373,553	572,195,165	2,918,311,617	50,570,832,012
1	Thuế GTGT hàng bán nội địa	45,960,532,732	30,762,261,272	1,396,411,568	547,180,864	1,609,613,792	27,209,055,048
2	Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	-	-	-	-
3	Thuế thu nhập doanh nghiệp	436,518,602	10,411,409,227	291,324,204	-	864,719,288	9,255,365,735
4	Thuế thu nhập cá nhân	31,631,380	1,765,639,932	160,365,819	25,014,301	334,779,368	1,245,480,444
5	Thuế xuất nhập khẩu	-	-	-	-	-	-
6	Thuế nhà đất	-	-	-	-	-	-
7	Tiền thuế đất, thuế tài nguyên	-	3,864,584,919	-	-	-	3,864,584,919
8	Thuế môn bài	-	6,000,000	-	-	-	6,000,000
9	Các khoản thuế khác	-	6,709,880,276	-	-	-	6,709,880,276
10	Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	2,457,936,721	68,271,962	-	109,199,169	2,280,465,590